

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 141/TTr-STNMT ngày 21 tháng 4 năm 2023 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2023⁽¹⁾.

Điều 2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ, thủ tục, kết quả thẩm định và tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ trình duyệt.

¹ Tại cuộc họp giao ban của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 25 tháng 4 năm 2023.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam (t/d);
- Cục Địa chất Việt Nam (t/d);
- Chi cục Khoáng sản Miền trung (t/d);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (t/h);
- Sở Xây dựng, Sở Công Thương (t/h);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (t/h);
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp (t/h);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (t/h);
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (t/h);
- Sở Giao thông vận tải (t/h);
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (t/h);
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (t/h);
- Cục Thuế tỉnh (t/h);
- UBND các huyện, thành phố (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường (công bố);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (công bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:

- Nhằm quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, tăng hiệu quả kinh tế, giảm thiểu các tác động đến môi trường. Đồng thời phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản tại địa phương, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

2. Yêu cầu:

- Khu vực khoáng sản được lựa chọn đưa ra đấu giá phải phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh, phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội tại mỗi địa phương.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

II. Nội dung:

1. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức được giao nhiệm vụ liên quan đến đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Minh bạch, công khai, bình đẳng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.

3. Các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2023 thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, gồm: 08 khu vực (*chi tiết có Phụ lục đính kèm*).

4. Phương thức tiến hành: Tổ chức phiên đấu giá theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ; Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC

ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

5. Thời gian thực hiện: Quý III, IV năm 2023.

Trường hợp trong năm 2023 nếu có các điểm mỏ tổ chức đấu giá chưa thành công, thì các điểm mỏ này sẽ được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm tiếp theo (*trừ trường hợp có phát sinh các quy định của pháp luật làm thay đổi, ảnh hưởng đến kế hoạch đấu giá này, thì không tiếp tục tổ chức đấu giá*).

6. Kinh phí thực hiện: Theo Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản và các văn bản pháp luật có liên quan.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Thông báo công khai, rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Kon Tum, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và liên hệ cơ quan chức năng để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định:

+ Danh mục các khu vực khoáng sản nằm trong Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

+ Danh mục các điểm mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước (*kèm theo thông tin cơ bản về vị trí, diện tích, điểm khép góc, thông tin về điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng khoáng sản của điểm mỏ... theo đúng quy định pháp luật*).

- Công khai thông tin về cuộc đấu giá tại trụ sở cơ quan, trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản của Bộ Tư pháp và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

- Chủ trì xây dựng tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; ký hợp đồng với tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật để tổ chức cuộc đấu giá theo Kế hoạch được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xác định giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước cho các điểm mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (*giá này chưa bao gồm khoản*

chi phí người trúng đấu giá phải hoàn trả chi phí điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư theo quy định).

- Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản; nội dung, hình thức hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

2. Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*nơi có mỏ khoáng sản đấu giá*) và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

3. Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm:

Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ, quy định theo đúng Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016, Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc các sở, ngành và địa phương kịp thời phản ánh, đề xuất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./

**DANH MỤC MỎ ĐẦU GIÁ
QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Điểm góc	Tọa độ		Hiện trạng	Diện tích điểm mỏ đầu giá (ha)	Tài nguyên dự báo (m ³)	Thời gian dự kiến đầu giá	Ghi chú
		X(m)	Y(m)					
I	Khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường (04 mỏ)							
1	Ranh giới xã Ia Toi và xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai (điểm mỏ số 01)							
	1	1.556.882	493.328	Cát, sỏi lòng sông, hai bên bờ ổn định, không có hiện tượng sạt lở	2,13	21.300	Quý III, IV năm 2023	Điểm QH khoáng sản số 168 (Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)
	2	1.557.009	493.330					
	3	1.557.028	493.324					
	4	1.557.106	493.315					
	5	1.557.151	493.300					
	6	1.557.192	493.281					
	7	1.557.231	493.333					
	8	1.557.199	493.349					
	9	1.557.162	493.360					
	10	1.557.082	493.387					
	11	1.556.882	493.394					
2	Ranh giới xã Ia Toi và xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai (điểm mỏ số 02)							
	1	1.553.340	493.661	Cát, sỏi lòng sông, hai bên bờ ổn định, không có hiện tượng sạt lở	2	20.000	Quý III, IV năm 2023	Điểm QH khoáng sản số 168A (Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)
	2	1.553.340	493.715					
	3	1.552.970	493.730					
	4	1.552.970	493.675					

3	Ranh giới xã Ia Toi và xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai (điểm mở số 03)							
	1	1.549.767	494.052	Cát, sỏi lòng sông, hai bên bờ ổn định, không có hiện tượng sạt lở	4,34	43.400	Quý III, IV năm 2023	Điểm QH khoáng sản số 171 (Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)
	2	1.549.902	494.048					
	3	1.549.951	494.037					
	4	1.549.993	494.035					
	5	1.550.078	494.047					
	6	1.550.118	494.059					
	7	1.550.282	494.072					
	8	1.550.415	494.061					
	9	1.550.560	494.049					
	10	1.550.568	493.980					
	11	1.550.407	494.000					
	12	1.550.320	494.017					
	13	1.550.286	494.018					
	14	1.550.135	494.006					
	15	1.550.079	494.003					
	16	1.550.026	493.993					
	17	1.549.963	493.998					
	18	1.549.767	493.990					
4	Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy (điểm mở số 04)							
	1	1.588.485	502.981	Cát, sỏi lòng sông, hai bên bờ ổn định, không có hiện tượng sạt lở	0,8	8.000	Quý III, IV năm 2023	Điểm QH khoáng sản số 162A (Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)
	2	1.588.532	503.137					
	3	1.588.485	503.152					
	4	1.588.438	502.995					
II	Khoáng sản sét làm vật liệu xây dựng thông thường (02 mỏ)							
1	Thôn Thanh Trung, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum (điểm mở số 01)							
	1	1.594.505	551.972	Hiện trạng đất trồng cây cao su và đất trống	02	50.000	Quý III, IV năm 2023	Điểm QH khoáng sản số 174 (Quyết
	2	1.594.382	552.009					
	3	1.594.297	551.875					

	4	1.594.425	551.836					<i>định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh</i>
2	Thôn Thanh Trung, phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum (điểm mở số 02)							
	1	1.594.617	552.148	Hiện trạng đất trồng cây cao su và đất trồng	02	50.000	Quý III, IV năm 2023	Điểm QH khoáng sản số 174 (Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh)
	2	1.594.539	552.207					
	3	1.594.448	552.152					
	4	1.594.458	552.050					
	5	1.594.538	552.016					
III	Khoáng sản đất làm vật liệu xây dựng thông thường (02 mỏ)							
1	Thôn Kon Hnong Pêng, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà (điểm mở số 01)							
	1	1.612.823	546.073	Đất sản xuất nông nghiệp của người dân	4,692	469.200	Quý III, IV năm 2023	Điểm QH khoáng sản số BS30 (Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh)
	2	1.612.830	546.301					
	3	1.612.942	546.460					
	4	1.613.049	546.257					
	5	1.612.907	546.157					
	6	1.612.906	546.073					
2	Thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum (điểm mở số 02)							
	1	1.589.496	562.264	Điểm mỏ đất nằm trên đồi, không có dân cư, phần lớn là cây bụi, dây leo rải rác và một phần trồng cây bởi lờ, mỏ nằm gần đường quốc lộ 24.	2,7	203.850	Quý III, IV năm 2023	Điểm QH khoáng sản số BS16 (Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh)
	2	1.589.507	562.386					
	3	1.589.324	562.394					
	4	1.589.268	562.188					
	5	1.589.351	562.262					